

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 65A/2024/DS-ST

Ngày: 07 - 10 - 2024.

V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và
hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Phan Công Trí**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà **Vũ Thị Huệ**.
- Ông **Dương Văn Tân**.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Đặng Công Hậu**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà **Trần Hồng Thắm**, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 tháng 9 và ngày 07 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 82/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Lý Minh D**, sinh năm 1966 (đã chết).

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông D:

- Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1963 (vắng mặt).
- Anh **Lý Văn T1**, sinh ngày 15/01/1994 (vắng mặt).
- Chị **Lý Cẩm T2**, sinh ngày 27/3/1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

2. **Bị đơn:**

- Ông **Huỳnh Văn S** (đã chết).
- Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông S:

1. Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1968 (vắng mặt).
2. Chị **Huỳnh Thị T3**, sinh năm 1989 (vắng mặt).
3. Chị **Huỳnh Thị Đ**, sinh năm 1992 (vắng mặt).
4. Chị **Huỳnh Thị Ủ**, sinh năm 1987 (vắng mặt).
5. Anh **Huỳnh Ghi Ơ**, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 3.1. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B.

Trụ sở: Số G, đường L, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Bình T4**, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

- 3.3. Chị **Huỳnh Thị Bảo Y**, sinh ngày 15/11/2000 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- 3.4. Anh **Lý Văn T1**, sinh ngày 15/01/1994 (vắng mặt).

- 3.5. Chị **Lý Cẩm T2**, sinh ngày 27/3/1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 21/9/2022, ngày 31/5/2023, các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn ông Lý Minh D trình bày:

Ngày 20 tháng 12 năm 2001, ông Huỳnh Văn S, bà Lê Thị H có lập giấy viết tay chuyển nhượng cho ông Lý Minh D phần đất tranh chấp đo đạc thực tế diện tích là 3.100m², thuộc thửa đất số 1055, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, do ông S (Sĩ) đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng do ông S và bà H chỉ chuyển nhượng một phần đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông S và bà H vẫn giữ. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông S và bà H đã giao đất cho ông D, bà T quản lý, sử dụng từ năm 2001 cho đến nay. Nay, ông D yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 3.100m² cho ông D và bà T; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tranh chấp hiện do ông S đứng tên đối với diện tích đất tranh chấp (bút lục 127-128).

Theo bà Lê Thị H là bị đơn trình bày: Ngày 20/11/2001 (âm lịch), bà và ông Huỳnh Văn S có chuyển nhượng cho ông Lý Minh D diện tích 3,5 công tầm cây, giá 4 lượng vàng 24K. Hai bên có làm giấy tay là giấy sang đất. Khi chuyển nhượng có xác nhận của T5 ấp và 02 người làm chứng. Phần đất chuyển nhượng

thuộc một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho ông S. Bà xác định diện tích đất mà ông D tranh chấp với vợ chồng bà, bà đã chuyển nhượng cho ông D, bà T, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác. Tuy nhiên, đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông S ngày 01/6/2020 đối với diện tích 3.100m² mà ông D, bà T đang sử dụng thì bà không đồng ý, vì khi cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/6/2020, ông S và bà đã tách phần này ra cho ông D.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng và hòa giải hợp lệ cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng còn lại của ông Huỳnh Văn S, nhưng đương sự vắng mặt, không gửi bất kỳ chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi tuyên án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn S chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; công nhận quyền sử dụng đất cho ông Lý Minh D, bà Nguyễn Thị T; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Huỳnh Văn S liên quan đến diện tích đất tranh chấp, ông D, bà T được quyền kê khai, đăng ký theo quy định. Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông D yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông D với ông S, bà H, phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 3.100m² tọa lạc ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Các bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và đất tranh chấp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự; hủy quyết định cá biệt theo quy định tại khoản 3, khoản 14 Điều 26, Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[1.2] Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Huỳnh Văn S là chị Huỳnh Thị Ứ, chị Huỳnh Thị Đ, theo thông tin của Phòng Q Công an tỉnh B cung cấp đã xuất cảnh ra khỏi nước Việt Nam, không có địa chỉ nơi đến (bút lục 132). Bà Lê Thị H là mẹ ruột của chị Đ, chị Ứ cho biết: Chị Đ, chị Ứ đã đi Hàn Quốc, còn địa chỉ cụ thể thì bà không rõ (bút lục 122). Do không có căn cứ xác định nơi cư trú của các đương sự, nên xác định nơi cư trú cuối cùng của chị Đ, chị Ứ tại ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[1.3] Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Bảo Y có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Lê Thị H, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Huỳnh Văn S, đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Ông D khởi kiện yêu cầu ông S, bà H giao trả phần đất tranh chấp 4.227,8m². Sau đó, ông D thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/12/2001 giữa ông với ông S, bà H diện tích 3.100m², tại phiên toà rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 274m² + 119,9m² + 733,9m². Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện, theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Về phạm vi giải quyết vụ án: Ngoài yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn và người kế thừa quyền nghĩa vụ tổ tụng của bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

[2] Về nội dung: Ông D yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông S, bà H ngày 20/12/2001.

Căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/01/2023 (bút lục 61-63), hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 22/3/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (bút lục 70), diện tích đất tranh chấp 3.100m² thuộc thửa 1055, tờ bản đồ số 03, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn S, có vị trí, tứ cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp kênh thủy lợi, có chiều dài 29,54m.
- Hướng Tây giáp đất ông Văn Quốc T6, có chiều dài 27,06m.
- Hướng Nam giáp đất (mương thoát nước), có chiều dài 111,34m.
- Hướng Bắc giáp đất ông Phạm Hiếu M, thửa 491, có chiều dài 29,41m + 87,19m.

Hiện trạng đất nuôi trồng thủy sản, trên đất có các cây trồng, công trình của ông Lý Minh D gồm: 01 căn nhà ngang 5m, dài 15,5m, kết cấu: cây gỗ địa phương, xây mặt gió trước, vách lá, nền đất máy tole; 10 cây dừa đang cho trái; 01 cây Xanh; 01 cây nước phi 49.

[2.1] Trong quá trình chuẩn bị xét xử, ông Lý Minh D và bà Lê Thị H thống nhất giữa các bên đã ký kết giấy viết tay chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/12/2001 đối với diện tích đất tranh chấp 3.100m² và đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng. Xét sự thừa nhận của các bên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Ông Lý Minh D yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/12/2001 đối với diện tích đất tranh chấp 3.100m². Bà Hòa đồng ý. Tuy nhiên, ông S đã chết, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông S ngoài bà H thì những người khác không có ý kiến.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn S là chị Huỳnh Thị Ủ, chị Huỳnh Thị Đ, anh Huỳnh Ghi Ở, chị Huỳnh Thị T3 vắng mặt, không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của ông D. Căn cứ vào khoản 3, khoản 5 Điều 70 và khoản 1 Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cho thấy các đương sự đã từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, Tòa án căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án, mọi hậu quả pháp lý bất lợi các đương sự phải tự gánh chịu theo quy định.

Trong quá trình làm việc, bà H thừa nhận: Sau khi chuyển nhượng đất cho ông D, bà T, ông S và bà Hòa S1 đã nhận đủ tiền và giao toàn bộ diện tích đất tranh chấp cho vợ chồng ông D quản lý, sử dụng công khai từ ngày 20/12/2001 cho đến nay theo như biên bản thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu (bút lục 121-122).

[2.3] Ông D nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với các bị đơn trong thời kỳ hôn nhân giữa ông và bà Nguyễn Thị T; ông D thừa nhận đây là tài sản chung của vợ chồng. Nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận diện tích đất tranh chấp là của vợ chồng ông Lý Minh D, bà Nguyễn Thị T, theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.4] Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lý Minh D, bà Nguyễn Thị T với ông Huỳnh Văn S, bà Lê Thị H ngày 20/12/2001 đối với diện tích đất 3.100m², theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 129, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp của nguyên đơn ông Lý Minh D, bị đơn bà Lê Thị H không đồng ý:

[3.1] Xét về quá trình cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cung cấp thông tin như sau: Năm 1995, ông Huỳnh Văn S được Ủy ban nhân dân huyện G (nay là huyện Đ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 134530 thửa 1449, tờ bản đồ số 11, đất trồng lúa. Tháng 5/2020, ông S cấp đổi thửa 1449 sang bản đồ địa chính mới tương ứng thửa đất 1055, tờ bản đồ 03, diện tích 3.100m² và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận ngày 01/6/2020 (bút lục 90-91).

[3.2] Ông Lý Minh D nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Huỳnh

Văn S, bà Lê Thị H ngày 20/12/2001, như nhận định từ tiểu mục [2.1] đến [2.4], giao dịch chuyển nhượng giữa các bên đã phát sinh hiệu lực. Vì vậy, ông Huỳnh Văn S không còn quyền đòi hỏi với diện tích đất 3.100m² thuộc thửa 1055, tờ bản đồ số 03, tại ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Nhưng ông S lại lập thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B căn cứ vào bản đồ địa chính mới, không phát hiện ông Lý Minh D đang sử dụng đất và đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn S ngày 01/6/2020 đối với phần đất tranh chấp là không đúng đối tượng, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Văn S tại thửa 1055, tờ bản đồ số 03, diện tích 3.100m², theo quy định tại khoản 1 Điều 34, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013.

Ông Lý Minh D, bà Nguyễn Thị T có quyền kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản 6.609.575 đồng, do yêu cầu khởi kiện của ông D được chấp nhận, nên bà H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông S phải chịu 6.609.575 đồng. Ông D đã nộp 6.609.575 đồng và chi xong, nên bà H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông S phải hoàn trả cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng ông D 6.609.575 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông D đối với các bị đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bà H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Lý Minh D không phải chịu. Ông D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0009516 ngày 14/10/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông D tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3, khoản 14 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều

165, khoản 1 Điều 166, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 34, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 129, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 33 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 1, 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Minh D đối với các bị đơn ông Huỳnh Văn S, bà Lê Thị H.

2. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lý Minh D với ông Huỳnh Văn S, bà Lê Thị H ngày 20/12/2001 (theo giấy sang đất). Ông Lý Minh D và bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng diện tích 3.100m² thuộc thửa 1055, tờ bản đồ số 03, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn S, có vị trí, tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp kênh thủy lợi, có chiều dài 29,54m.
- Hướng Tây giáp đất ông Văn Quốc T6, có chiều dài 27,06m.
- Hướng Nam giáp đất (mương thoát nước), có chiều dài 111,34m.
- Hướng Bắc giáp đất ông Phạm Hiếu M, thửa 491, có chiều dài 29,41m + 87,19m.

Hiện trạng đất nuôi trồng thủy sản, trên đất có các cây trồng, công trình của ông Lý Minh D gồm: 01 căn nhà ngang 5m, dài 15,5m, kết cấu: cây gỗ địa phương, xây mặt gió trước, vách lá, nền đất máy tole; 10 cây dừa đang cho trái; 01 cây Xanh; 01 cây nước phi 49.

(Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu, hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 22/3/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu)

3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 020236 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 01/6/2020 cho ông Huỳnh Văn S đối với diện tích 3100m² thuộc thửa 1055, tờ bản đồ số 03, địa chỉ thửa đất: ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp kênh thủy lợi, có chiều dài 29,54m.
- Hướng Tây giáp đất ông Văn Quốc T6, có chiều dài 27,06m.
- Hướng Nam giáp đất (mương thoát nước), có chiều dài 111,34m.
- Hướng Bắc giáp đất ông Phạm Hiếu M, thửa 491, có chiều dài 29,41m + 87,19m.

(Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/01/2023 của Tòa án nhân

dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu, hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 22/3/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu),

4. Anh Lý Văn T1, chị Lý Cẩm T2 và bà Nguyễn Thị T có quyền kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

5. Chi phí tố tụng: Bà Lê Thị H và chị Huỳnh Thị T3, chị Huỳnh Thị Đ, chị Huỳnh Thị Ủ, anh Huỳnh Ghi Ở phải liên đới chịu 6.609.575 đồng (Sáu triệu sáu trăm lẻ chín ngàn năm trăm bảy mươi lăm đồng). Ông Lý Minh D đã nộp tạm ứng và chi xong số tiền 6.609.575 đồng (Sáu triệu sáu trăm lẻ chín ngàn năm trăm bảy mươi lăm đồng). Buộc bà Lê Thị H và chị Huỳnh Thị T3, chị Huỳnh Thị Đ, chị Huỳnh Thị Ủ, anh Huỳnh Ghi Ở phải liên đới hoàn lại cho anh Lý Văn T1, chị Lý Cẩm T2 và bà Nguyễn Thị T số tiền 6.609.575 đồng (Sáu triệu sáu trăm lẻ chín ngàn năm trăm bảy mươi lăm đồng)(trong đó, bà H, chị T3, chị Đ, chị Ủ, anh Ở mỗi người có nghĩa vụ hoàn lại 1.321.915 đồng).

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị H và chị Huỳnh Thị T3, chị Huỳnh Thị Đ, chị Huỳnh Thị Ủ, anh Huỳnh Ghi Ở phải liên đới chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Anh Lý Văn T1, chị Lý Cẩm T2 và bà Nguyễn Thị T được hoàn lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009516 ngày 14/10/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu mà ông Lý Minh D đã nộp.

7. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Phan Công Trí